

# CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH THAM GIA HỤI CỦA NÔNG HỘ TẠI HUYỆN DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

Factors affecting decisions of families-farmers to join in “Hui” in Duyen Hai district, Tra Vinh province

Nguyễn Văn Vũ An<sup>1</sup>

## Tóm tắt

Mục tiêu của bài viết là phân tích thực trạng tham gia hội và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hội của nông hộ ở huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Nông hộ tham gia hội chủ yếu là huy động vốn phục vụ cho sản xuất, kinh doanh. Đối với một số hộ, việc tham gia hội không phải là để huy động vốn mà là một hình thức tiết kiệm. Đa số nông hộ được khảo sát cho rằng hội có ảnh hưởng tích cực đến đời sống của họ. Bài viết ứng dụng mô hình Probit để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hội của nông hộ, và sử dụng mô hình Tobit để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến số tiền đóng mỗi kỳ của nông hộ khi tham gia hội. Kết quả ước lượng cho thấy, các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hội của nông hộ là thành viên tổ vay vốn/hùn vốn, số hộ nghèo, hộ khẩu thường trú và lợi ích. Khi nông hộ tham gia hội thì các biến quan điểm về rủi ro, nghề nghiệp chính của hộ, thu nhập, số thành viên và xác suất tham gia hội ảnh hưởng đến số tiền đóng mỗi kỳ của nông hộ.

Từ khóa: Hội, mô hình Probit, mô hình Tobit, tiết kiệm, huy động vốn.

## 1. Giới thiệu

Nền kinh tế nước ta hiện nay đang trên đà phát triển mạnh mẽ. Trong bối cảnh đó, nhiều người cần huy động vốn nhanh để đầu tư kinh doanh, trong khi việc vay vốn ở các ngân hàng và tổ chức tín dụng còn một số hạn chế như thủ tục phiền hà, cần thế chấp hoặc cầm cố tài sản. Một số khác có đồng vốn nhàn rỗi, nhưng không có nhu cầu kinh doanh, không muốn gửi ngân hàng nhưng vẫn muốn đồng tiền sinh lãi, khi cần lại có thể rút vốn nhanh chứ không bị ràng buộc như hợp đồng vay tài sản. Một số người khác, đời sống đang gặp khó khăn, muốn có một hình thức tiết kiệm hiệu quả để cải thiện đời sống của mình,... Tất cả những mong muốn nêu trên đều có thể được đáp ứng khi tham gia giao dịch hội.

## Abstract

The objective of the article was to analyse current situations of the participance of the families-farmers, in Duyen Hai district, Tra Vinh province, to “Hui”. The families participate to “Hui” mainly gather the capitals for their production and business. To some of them, their participation to “Hui” is a kind of saving money. Most of the families in the survey said that “Hui” has positive affects to their life. This article uses the Probit model to define the some affecting factors to the participation to “Hui” of the farmers, and uses the Tobit model to define some affecting factors to their money contributed periodly. The estimated result shows that the affecting factors to the farmers’ decision to “Hui” are members of the groups of borrowers or sharerholders, poor certificates, permanent resident notebooks, and benefits. When the farmers join in “Hui”, their view points about the risks, their main jobs, their incomes, the numbers of the members, the probability of participance to “Hui” effect to the farmers’ money contributed periodly.

Keywords: Hui, Probit model, Tobit model, saving money, gather the capitals.

Theo các nhà nghiên cứu (Calomiris và Rajaraman 1998; Tanaka và Nguyen 2008; Anderson và cộng sự 2009; Lê Khương Ninh và Phạm Văn Dương 2011; Lê Khương Ninh và Cao Văn Hôn 2012), hội là loại hình tín dụng dân gian rất phổ biến ở nước ta cũng như trên thế giới. Để giải thích cho tính phổ biến đó, Besley và cộng sự (1993, 1994) đã xây dựng các mô hình lý thuyết kinh điển để chứng minh lợi ích của loại hình tín dụng này so với tự tiết kiệm và gửi ngân hàng; các nghiên cứu thực nghiệm cũng đã kiểm chứng lợi ích của hội bằng cách sử dụng số liệu thực tế ở cả nông thôn lẫn thành thị từ nhiều nước trên thế giới.

Đến năm 2006, việc tham gia hội đã được pháp luật Việt Nam thừa nhận và bảo vệ quyền lợi của người tham gia, quy định hướng dẫn thông qua Nghị định 144/2006/NĐ-CP. Hiện nay, nền kinh tế

<sup>1</sup> Thạc sĩ, Bộ môn Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học Trà Vinh

nước ta đang trong quá trình đổi mới, phát triển và hội nhập, hội cũng có đã những chuyển biến mới.

Thị trường tín dụng nông thôn ở nước ta nói chung và ở huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh nói riêng được hình thành từ rất lâu. Cho đến nay, do nguồn tín dụng chính thức chưa đáp ứng đủ nhu cầu của người dân nên nhiều nông hộ, đặc biệt là hộ nghèo tham gia hội để đáp ứng nhu cầu vốn của họ. Tuy nhiên, do trình độ hiểu biết và ý thức tuân thủ pháp luật của những người tham gia hội còn rất hạn chế, đặc biệt người tham hội là những nông hộ. Mục tiêu của bài viết là đánh giá thực trạng tham gia hội cùng với xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hội của nông hộ nhằm đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của nông hộ khi tham gia hội.

## 2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý thuyết và khung phân tích

Theo Trương Đông Lộc (2011), những hộ có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp có xác suất tham gia hội ít hơn các hộ có thu nhập từ các hoạt động phi nông nghiệp.

Mặc dù các dây hội có thể được thiết kế để giảm rủi ro cho người tham gia (như chỉ bao gồm ít người thân quen, trả thù lao (hoa hồng) cho chủ hội để kiểm soát và cưỡng chế người tham gia, đặt người kém tin cậy nhất vào vị trí cuối cùng nhận số tiền đóng góp, sử dụng các chuẩn mực đạo đức xã hội và cộng đồng để ràng buộc người tham gia hay tẩy chay không cho tham gia các dây hội tiếp theo) nhưng việc tham gia hội luôn tiềm ẩn rủi ro khó lường do những người đã nhận khoản tiền đóng góp không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình (Handa và Kirtin 1999; Anderson và cộng sự 2009). Vì vậy, quyết định tham gia hội sẽ tùy thuộc vào quan điểm của các cá nhân đối với rủi ro (sợ hay không sợ rủi ro). Hiển nhiên, rủi ro sẽ được đánh đổi với lợi ích nhận được từ việc tham gia hội và mặc dù khó có thể dự báo chính xác mức độ rủi ro của việc tham gia hội nhưng nếu lợi ích được điều chỉnh theo rủi ro là đủ lớn theo nhận định (chủ quan) của bản thân thì các cá nhân sẽ có động cơ tham gia hội (Ambec và Treich 2007).

Theo Levenson và Besley (1996), Handa và Kirton (1999),... những người có thu nhập cao sẽ có nhiều thời gian và điều kiện thiết lập mối quan hệ xã hội rộng rãi, gần gũi và thân tình với nhiều người. Do đó, có thể đánh giá uy tín của những người xung quanh một cách chính xác hơn nên có động cơ tham gia hội mạnh hơn. Hơn nữa, những người có thu nhập cao sẽ dễ được chấp nhận vào các dây hội nếu muốn tham gia vì thường được

xem là có uy tín cao và đáng tin cậy. Tương tự, người phải chi nhiều khoản bất thường có xu hướng tham gia nhiều dây hội với chu kỳ (hội ngày, hội tuần, hội tháng,...) và số tiền tham gia khác nhau để có thể linh động trong chi tiêu bởi hội là một phương thức dự phòng hiệu quả, nhất là đối với những người ít có điều kiện tiếp cận các hình thức tín dụng khác mà lại không muốn giữ tiền ở nhà nhằm hạn chế các chi tiêu không cần thiết của bản thân hay của người thân trong gia đình (Calomiris và Rajaraman 1998).

Nếu thâm niên tham gia hội càng dài thì người tham gia sẽ có nhiều kinh nghiệm (nhất là trong việc hạn chế rủi ro), có nhiều thông tin để giúp chọn hình thức hội và đối tác có lợi nhất cho mình,... nên sẽ có xu hướng tham gia hội với số tiền nhiều hơn (Ambec và Treich 2007). Bên cạnh đó, thói quen hình thành từ việc tham gia hội trong thời gian dài cũng khiến các cá nhân có xu hướng tiếp tục vì thường ít ai muốn thay đổi thói quen của mình, trừ khi có bất trắc xảy ra.

Ngoài ra, còn có một số yếu tố khác ảnh hưởng đến động cơ tham gia hội của các cá nhân, chẳng hạn như tuổi. Người lớn thường có nhiều tài sản, nhiều kinh nghiệm, nhiều mối quan hệ xã hội,... nên có xu hướng tham gia hội với số tiền nhiều hơn. Tuy nhiên, cũng có lập luận cho rằng người trẻ tuổi lại có nhu cầu cao hơn về sửa sang nhà cửa, mua sắm vật dụng gia đình hay nuôi dưỡng con cái nên sẽ có nhu cầu tiết kiệm cao hơn và do đó tham gia hội với số tiền lớn hơn với mục tiêu tích lũy cho tương lai. Người trẻ tuổi thường năng động, dễ hòa nhập với cộng đồng và nhạy bén trong việc tiếp cận các cơ hội sinh lợi nên sẽ có động cơ tham gia hội mạnh hơn (Levenson và Besley 1996).

Trình độ học vấn cũng là yếu tố cần quan tâm vì người có trình độ học vấn càng cao thì nhu cầu tham gia hội càng thấp do dễ tiếp cận tín dụng chính thức hay bán chính thức nhờ thông hiểu thủ tục vay và thường có uy tín xã hội cao (Lê Khương Ninh và Phạm Văn Dương 2011). Các hộ có hộ khẩu thường trú tại địa phương sẽ được chủ hội tin tưởng và cho tham gia hội vì chủ hội có đầy đủ thông tin về người tham gia hội.

Nhiều nghiên cứu (như Anderson và cộng sự 2009; Trương Đông Lộc 2011) còn ngụ ý rằng bên cạnh các yếu tố mang tính chất gia đình cũng ảnh hưởng đến quyết định tham gia hội của các cá nhân. Gia đình có nhiều thành viên sẽ phải chi tiêu nhiều hơn nên sẽ có xu hướng tham gia hội với số tiền ít hơn. Hộ có người tham gia các tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương sẽ có động cơ tham

gia hội nhiều hơn để tiết kiệm vì họ có thu nhập ổn định nhưng thấp nên họ ngại tiếp cận các tổ chức tín dụng chính thức. Bên cạnh đó, những hộ có sổ hộ nghèo là những người có thu nhập thấp, giá trị tài sản thấp nên khả năng đóng hội và trả lãi không cao nên chủ hội thường hạn chế những hộ này tham gia vào dây hội của họ. Giới tính cũng có ảnh hưởng đến việc tham gia hội, thực tế, nữ thường tham gia hội nhiều hơn nam giới. Người có nhiều đất (đất ruộng, vườn hay thổ cư) sẽ dễ vay tín dụng chính thức bởi có tài sản thế chấp có giá trị, do đó động cơ tham hội sẽ thấp. Tuy nhiên, cũng có lập luận cho rằng những người có nhiều đất thường là những người giàu nên có thể tham gia hội với số tiền lớn (Levenson và Besley 1996). Bên cạnh đó, các hộ có người trong gia đình là thành viên tổ vay vốn ở địa phương sẽ có động cơ tham gia hội cao hơn các hộ khác (Trương Đông Lộc 2011). Cuối cùng, các nghiên cứu còn cho rằng xác suất tham gia hội càng cao thì số tiền đóng hội mỗi kỳ sẽ lớn vì họ cho rằng tham gia hội sẽ có nhiều lợi ích.

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu sử dụng trong bài viết là số liệu sơ cấp được thu thập từ một cuộc điều tra bằng bảng câu hỏi. Cuộc điều tra được tiến hành vào tháng 12/2014 với đối tượng phỏng vấn là 385 nông hộ có tham gia và không có tham gia hội. Trong đó, phỏng vấn số nông hộ có tham gia hội là 207 hộ (chiếm

53,77%) và số nông hộ không có tham gia hội là 128 hộ (chiếm 46,23%). Các nông hộ được chọn theo phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên phân tầng. Tiêu thức phân tầng theo 9 xã và 2 thị trấn thuộc huyện Duyên Hải, sau đó phỏng vấn ngẫu nhiên nông hộ có tham gia hội và không có tham gia hội.

### 2.2.2. Phương pháp phân tích số liệu

Phương pháp thống kê mô tả: để mô tả thực trạng tham gia chơi hội của các nông hộ trên địa bàn, nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả trên cơ sở số liệu sơ cấp thu thập được từ cuộc điều tra. Thống kê mô tả là việc mô tả dữ liệu bằng các phép tính và chỉ số thống kê thông thường như số trung bình, nhỏ nhất, lớn nhất, độ lệch chuẩn, bảng tần số.

Bài viết ứng dụng mô hình Probit để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hội của nông hộ. Một cách cụ thể, mô hình Probit có dạng như sau:

$$Y_i = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4 + \beta_5 X_5 + \beta_6 X_6 + \beta_7 X_7 + \beta_8 X_8 + \beta_9 X_9 + \varepsilon_i$$

Trong đó:

$Y$  là quyết định tham gia hội của nông hộ và được đo lường bằng hai giá trị 0 và 1 (1 là có tham gia hội và 0 là không có tham gia hội).

$X_1, X_2, X_3, X_4, X_5, X_6, X_7, X_8, X_9$ , là các biến độc lập (biến giải thích). Các biến này được định nghĩa và diễn giải chi tiết ở bảng sau:

**Bảng 1. Ý nghĩa của các biến và kỳ vọng về dấu các hệ số  $\beta_i$  mô hình Probit**

Tên biến	Diễn giải ý nghĩa của biến	Kỳ vọng về dấu
Vị trí xã hội ( $X_1$ )	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu trong hộ có người làm việc cho các tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương, nhận giá trị 0 nếu ngược lại	+
Thành viên tổ vay vốn/hùn vốn ( $X_2$ )	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu trong hộ có người là thành viên tổ vay vốn/hùn vốn ở địa phương, nhận giá trị 0 nếu ngược lại	+
Số hộ nghèo ( $X_3$ )	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu gia đình có sổ hộ nghèo, nhận giá trị 0 nếu ngược lại	-
Giới tính ( $X_4$ )	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu là nam, nhận giá trị 0 nếu là nữ	-
Tuổi của chủ hộ ( $X_5$ )	Tuổi (năm)	-
Nghề nghiệp chính của hộ ( $X_6$ )	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu nguồn thu nhập chính của nông hộ là từ sản xuất nông nghiệp, nhận giá trị 0 nếu ngược lại	+
Hộ khẩu thường trú ( $X_7$ )	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu hộ có hộ khẩu thường trú tại địa phương, nhận giá trị 0 nếu ngược lại	+
Chi tiêu bất thường ( $X_8$ )	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu hộ có chi tiêu bất thường, nhận giá trị 0 nếu ngược lại	+
Lợi ích ( $X_9$ )	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu hộ cho rằng lợi ích từ tham gia hội là đủ lớn để có thể chấp nhận rủi ro, nhận giá trị 0 nếu ngược lại	+

Đề tài ứng dụng mô hình Tobit để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến số tiền đóng mỗi kỳ của nông hộ tham gia hội. Theo Gujarati (2004), Tobit là mô hình phù hợp nhất có thể sử dụng để ước lượng ảnh hưởng của các biến độc lập đến biến phụ thuộc nếu giá trị của biến phụ thuộc bị kiểm duyệt hay không được phép nhỏ hơn một giá trị nhất định nào đó. Trong trường hợp bài viết này, giá trị của biến phụ thuộc (đó là số tiền đóng hội mỗi kỳ của nông hộ) chỉ có thể lớn hơn hoặc bằng không bởi nông hộ có thể đóng hội hay khước từ hoàn toàn.

Mô hình Tobit (còn gọi là mô hình kiểm duyệt) có dạng như sau:

$$Z_i = \beta_0 + \beta_1 X_{i1} + \beta_2 X_{i2} + \beta_3 X_{i3} + \beta_4 X_{i4} + \beta_5 X_{i5} + \beta_6 X_{i6} + \beta_7 X_{i7} + \beta_8 X_{i8} + \beta_9 X_{i9} + \beta_{10} X_{i10} + \beta_{11} X_{i11} + \beta_{12} X_{i12} + \beta_{13} X_{i13} + \varepsilon_i$$

Z là số tiền đóng hội mỗi kỳ của nông hộ (triệu đồng).

$X_1, X_2, X_3, X_4, X_5, X_6, X_7, X_8, X_9, X_{10}, X_{11}, X_{12}, X_{13}$  là các biến độc lập (biến giải thích). Các biến này được định nghĩa và diễn giải chi tiết ở bảng sau:

**Bảng 2. Ý nghĩa của các biến và kỳ vọng về dấu các hệ số  $\beta_i$  mô hình Tobit**

Tên biến	Diễn giải ý nghĩa của biến	Kỳ vọng về dấu
Nghề nghiệp chính của hộ ( $X_1$ )	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu nguồn thu nhập chính của nông hộ là từ sản xuất nông nghiệp, nhận giá trị 0 nếu ngược lại	-
Quan điểm về rủi ro ( $X_2$ )	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu hộ sợ rủi ro, nhận giá trị 0 nếu ngược lại	-
Lợi ích ( $X_3$ )	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu hộ cho rằng lợi ích từ tham gia hội là đủ lớn để có thể chấp nhận rủi ro, nhận giá trị 0 nếu ngược lại	+
Thu nhập ( $X_4$ )	Thu nhập bình quân/tháng của hộ (Triệu đồng)	+
Chi tiêu bất thường ( $X_5$ )	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu hộ có chi tiêu bất thường, nhận giá trị 0 nếu ngược lại	+
Thâm niên ( $X_6$ )	Số năm tham gia hội (năm)	+
Tuổi của chủ hộ ( $X_7$ )	Tuổi (năm)	+/-
Học vấn ( $X_8$ )	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu chủ hộ đã tốt nghiệp cấp 2, nhận giá trị 0 nếu ngược lại	-
Hộ khẩu thường trú ( $X_9$ )	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu hộ có hộ khẩu thường trú tại địa phương, nhận giá trị 0 nếu ngược lại	+
Số thành viên ( $X_{10}$ )	Số thành viên trong hộ (người)	-
Giá trị quyền sử dụng đất ( $X_{11}$ )	Giá trị quyền sử dụng đất của hộ (triệu đồng)	+/-
Thành viên tổ vay vốn/hùn vốn ( $X_{12}$ )	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu trong hộ có người là thành viên tổ vay vốn/hùn vốn ở địa phương, nhận giá trị 0 nếu ngược lại	+
Xác suất tham gia hội ( $X_{13}$ )	Biến này là giá trị ước lượng điểm của biến Y ở mô hình Probit	+

### 3. Kết quả và thảo luận

#### 3.1 Thực trạng tham gia hội của nông hộ

Khi nói đến việc tham gia hội thì mọi người thường quan tâm đến thu nhập cũng như giá trị đất đai của các nông hộ được khảo sát trên địa bàn vì có thu nhập mới có khả năng tham gia hội và giá trị đất đai tạo nên uy tín cho người tham gia hội. Thu nhập bình quân/tháng của các nông hộ được khảo sát là 4,98 triệu đồng, thấp nhất là 1,35 triệu đồng và cao nhất là 30 triệu đồng. Nhìn chung, mức thu nhập của nông hộ đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng hằng ngày của hộ và có tiết kiệm. Ngoài ra, giá trị đất đai của nông hộ tương đối lớn, trung bình là 327,41 triệu đồng. Một số hộ cá biệt, có giá trị

đất đai lên đến 6.000 triệu đồng. Kết quả thống kê này được diễn giải như sau: huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh trước đây có nhiều nông trường, sau khi đổi mới, đất nông trường được cấp phát cho người dân nên các nông hộ có đất nhiều. Hiện nay, đa số nông hộ trên địa bàn đều tham gia nuôi tôm sú/thể công nghiệp, bán công nghiệp nên giá trị đất đai của nông hộ tương đối cao.

Chúng tôi đã phỏng vấn 207 hộ có tham gia hội (chiếm 53,77%) và số nông hộ không có tham gia hội là 178 hộ (chiếm 46,23%). Những hộ không tham gia hội với nhiều lý do khác nhau nhưng chủ yếu là sợ rủi ro bị giật hội (70,22% nông hộ được khảo sát). Bên cạnh đó, có 37 nông hộ (chiếm tỷ

trọng 20,79%) không có thu nhập đủ để đóng hội và 2,81% nông hộ không được chủ hội cho tham gia đây hội, nhất là các hộ có sổ hộ nghèo. Bên cạnh đó, còn một số lý do khác mà nông hộ không tham hội như họ có thể tiếp cận nguồn vốn chính thức, vay mượn người thân, bạn bè (6,18%). Chi tiết về lý do không tham gia hội của nông hộ được trình bày ở Bảng 3.

Bên cạnh các vụ vỡ hội hàng trăm triệu đồng trên địa bàn huyện Duyên Hải, nhiều đây hội vẫn an toàn do sự tin cậy lẫn nhau, tính phổ biến của hội (có kinh nghiệm khi tham gia hội) và thu hút đông đảo người dân tham gia. Điều này chứng tỏ hội vẫn là một kênh huy động vốn và đầu tư hiệu quả của nhiều hộ dân. Có 59,9% nông hộ được khảo sát có khả năng tham gia hội trong thời gian tới. Kết quả cho thấy, nông hộ tham gia hội chủ yếu là huy động vốn phục vụ cho sản xuất, kinh doanh và tiết kiệm. Cụ thể, có 37,68% nông hộ trên tổng số hộ được khảo sát tham gia hội vì huy động vốn hộ không cần phải thế chấp tài sản, có 9,18% nông hộ tham gia hội vì tính nhanh chóng đáp ứng nhu cầu vốn của hội.

**Bảng 3. Lý do không tham gia hội của nông hộ**

Lý do tham gia hội	Số quan sát	Tỷ trọng (%)
Không đủ tiền đóng hội	37	20,79
Chủ hội không cho tham gia	5	2,81
Sợ rủi ro bị giạt hội	125	70,22
Lý do khác	11	6,18
Tổng cộng	178	100,00

*Nguồn: Số liệu khảo sát, 2014*

Bên cạnh đó, lý do tham gia hội của nông hộ xuất phát từ tính thuận tiện của hội (8,21%) và các nguồn vốn khác không đáp ứng được nhu cầu vốn của họ (26,57%), nhất là những hộ có khả năng chi tiêu bất thường cao (65,2% số hộ được khảo sát). Đối với một số hộ, việc tham gia hội không phải là để huy động vốn mà là một hình thức tiết kiệm. Do đó, lý do tham gia hội của họ là lãi suất hấp dẫn (15,94%).

**Bảng 4. Lý do tham gia hội của nông hộ**

Lý do tham gia hội	Số quan sát	Tỷ trọng (%)
Các nguồn vốn khác không đáp ứng được nhu cầu	55	26,57
Không cần thế chấp tài sản	78	37,68
Nhanh chóng	19	9,18
Lãi suất hấp dẫn	33	15,94
Thuận tiện	17	8,21
Lý do khác	5	2,42
Tổng cộng	207	100,00

*Nguồn: Số liệu khảo sát, 2014*

Với số liệu được khảo sát, nông hộ tham gia hội với mục đích chủ yếu là phục vụ sản xuất nông nghiệp (36,71%) hoặc đầu tư, mua bán nhỏ (30,92%). Nông hộ cũng thường sử dụng số tiền huy động từ hội để đóng học phí cho con, em trong gia đình (14,01%), mua sắm đồ dùng gia đình (11,11%). Bên cạnh đó, mục đích huy động vốn từ hội của nông hộ còn là xây mới hay sửa nhà cửa (4,35%), trả các khoản vay khác (2,42%) và chi cho y tế (0,48%).

**Bảng 5. Mục đích sử dụng huy động vốn từ hội của nông hộ**

Mục đích sử dụng vốn	Số hộ	Tỷ trọng (%)
Sản xuất nông nghiệp	76	36,71
Đầu tư, mua bán nhỏ	64	30,92
Đóng học phí cho con, em	29	14,01
Chi y tế	1	0,48
Xây mới hay sửa nhà	9	4,35
Mua sắm đồ dùng gia đình	23	11,11
Trả các khoản vay khác	5	2,42
Tổng cộng	207	100,00

*Nguồn: Số liệu khảo sát, 2014*

Thực tế tại địa phương được khảo sát, nhiều hộ mới tham gia hội, dưới hai năm có 77 hộ (chiếm tỷ trọng 37,20%) và từ hai đến bốn năm có 98 hộ (47,34%). Đặc biệt, số hộ có nhiều năm kinh nghiệm tham gia hội lại ít (34 hộ, chiếm tỷ trọng 15,46%). Đối với địa phương khảo sát, hình thức hội đã có từ lâu, nhưng khoảng 4 năm trở lại đây mới thu hút được nhiều người tham vì họ biết tham gia hội nếu gặp rủi ro về giạt hội sẽ được pháp luật bảo vệ.

**Kết quả điều tra được trình bày ở Bảng 6 cho thấy, kỳ mở hội trung bình là 66 ngày, ít nhất là 1 ngày (trường hợp hình thức hội ngày) và cao nhất là 365 ngày (trường hợp hình thức hội mùa). Số đây hội trung bình mà hộ tham gia là hai. Tuy nhiên, có một số hộ tham gia đến 9 đây hội. Bên cạnh đó, số chân hội/dây là ở mức vừa phải. Cụ thể, một đây hội trung bình có khoảng 11 thành viên tham gia. Trong mẫu khảo sát, số thành viên tham gia vào một đây hội nhiều nhất là 36. Thực tế những đây hội có nhiều người tham gia là các đây hội không tính lãi do các thành viên tham gia nhằm mục đích hỗ trợ vốn lẫn nhau, nhất là những hộ có thành viên làm việc cho các tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương (chiếm tỷ trọng 18,4%) và nông hộ có người là thành viên tổ vay vốn/hùn vốn (chiếm tỷ trọng 25,6%).**

**Bảng 6. Thông tin về tham gia hội của nông hộ**

Chỉ tiêu	Số quan sát	Nhỏ nhất	Trung bình	Lớn nhất	Độ lệch chuẩn
Kỳ mở hội (ngày)	207	1	66	365	88
Số dây hội/hộ	207	1	2	9	1
Số chân hội/dây	207	1	11	36	9
Số tiền đóng hội/ki/dây (ngàn đồng)	207	10	866	9.000	1.119
Thời gian nhận được tiền hốt (ngày)	207	1	12	365	36

Nguồn: Số liệu khảo sát, 2014

Đối với số tiền trung bình mà hộ phải đóng mỗi kỳ trên các dây hội là tương đối lớn, trung bình là 866 ngàn đồng, có một số hộ đóng lên đến 9.000 ngàn đồng (thường là hộ tham gia hội tháng), ít nhất là 10 ngàn đồng (hộ tham gia hội ngày). Bên cạnh đó, về thời gian hốt hội, kết quả điều tra cho thấy, người tham gia hội phải mất trung bình là 12 ngày tính từ ngày hốt hội mới nhận được tiền. Trong mẫu nghiên cứu, người nhận được tiền sớm nhất là một ngày và chậm nhất là 365 ngày tính từ ngày hốt hội. Thực tế khảo sát tại địa phương cho thấy, những trường hợp có thời gian nhận tiền trên 30 ngày là những trường hợp có vấn đề về khả năng thanh toán của chủ hội.

Kết quả khảo sát được trình bày ở Bảng 7 cho thấy, hình thức hội mà nông hộ tham gia chủ yếu là hội tháng với tỷ trọng hộ tham gia là 66,67%. Đối với những hộ thu nhập hằng ngày nhưng không cao (buôn bán nhỏ) thường sẽ lựa chọn hình thức hội ngày hoặc hội tuần. Trong mẫu khảo sát, số hộ tham gia hội ngày là 18 (chiếm tỷ trọng 8,70% tổng số hộ được khảo sát có tham gia hội) và tham gia hội tuần là 12 (chiếm tỷ trọng 5,80%). Ngoài ra, một số ít hộ tham gia hội 10 ngày (2,90%), hội nửa tháng (10,14%) và các hình thức khác (5,80%).

**Bảng 7. Hình thức dây hội mà nông hộ tham gia**

Chỉ tiêu	Số quan sát	Tỷ trọng (%)
Hình thức hội phân theo tần suất mở hội		
Hội ngày	18	8,70
Hội tuần	12	5,80
Hội 10 ngày	6	2,90
Hội nửa tháng	21	10,14
Hội tháng	138	66,67
Hình thức khác	12	5,80
Tổng cộng	247	100,00
Hình thức hội phân theo hình thức tính lãi		
Hội có tính lãi	88	42,51
Hội không có tính lãi	119	57,49
Tổng cộng	385	100,00

Nguồn: Số liệu khảo sát, 2014

Đối với hình thức hội có tính lãi, người hốt hội ngoài việc phải trả lãi cho các hội viên khác, còn phải trả một khoản hoa hồng cho chủ hội. Mức hoa hồng này do những người tham gia tự thỏa thuận với nhau. Vì nhận được hoa hồng nên chủ hội phải có trách nhiệm thu tiền của các hội viên và trao số tiền này cho người hốt hội. Nếu vì lý do này hay khác mà một hội viên không đóng hội kịp theo thời gian quy định thì chủ hội phải đóng thay bằng tiền của mình. Đa số các nông hộ tham gia hội sẽ chi trả hoa hồng cho chủ hội bằng 50% giá trị đầu hội (56,04% số hộ được khảo sát). Bên cạnh đó, một số nông hộ chịu chi đến 100% giá trị đầu hội cho chủ hội (10,63%) nhằm làm tăng trách nhiệm trong khâu thu tiền hội và trao tiền cho người hốt hội. Ngoài ra, các nông hộ tham gia hội còn chi cho chủ hội với nhiều tỷ lệ khác (33,33%).

**Bảng 8. Hoa hồng cho chủ hội**

Hoa hồng cho chủ hội	Số quan sát	Tỷ trọng (%)
50% giá trị đầu hội	116	56,04
100% giá trị đầu hội	22	10,63
Tỷ lệ khác	69	33,33
Tổng cộng	207	100,00

Nguồn: Số liệu khảo sát, 2014

Khi đánh giá về vai trò của hội đối với đời sống, theo kết quả khảo sát, có đến 73,43% nông hộ có tham gia hội được khảo sát cho rằng hội có ảnh hưởng tích cực đến đời sống của họ. Ngược lại, một số nông hộ cho rằng hội có ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống của hộ (3,38%) vì hội có tính rủi ro cao.

### 3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hội và số tiền trung bình mà hộ phải đóng mỗi kỳ trên các dây hội của nông hộ

Theo kết quả hồi quy, Pseudo  $R^2 = 0,2459$ , LR  $\text{Chi}^2 = 88,87$ , phần trăm dự báo chính xác là 78,57% và hệ số tương quan Spearman giữa các biến đều  $< 0,6$  nên không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến nên mô hình có ý nghĩa thống kê và phù hợp.

Bảng 9. Kết quả ước lượng mô hình hồi quy Probit

Biến Số	Hệ số ước lượng	Tác động biên dy/dx	Giá trị thống kê Z
Hằng số (C)	-0,640	-	-1.39
Vị trí xã hội ( $X_1$ )	-0,267	-0,105	-1.02
Thành viên tổ vay vốn ( $X_2$ )	0,841	0,286	3.25*
Số hộ nghèo ( $X_3$ )	-0,810	-0,314	-2.65*
Giới tính ( $X_4$ )	0,099	0,038	0.55
Tuổi của chủ hộ ( $X_5$ )	-0,010	-0,004	-1.42
Nghề nghiệp chính của hộ ( $X_6$ )	0,183	0,071	1.02
Hộ khẩu thường trú ( $X_7$ )	0,468	0,184	1.87***
Chi tiêu bất thường ( $X_8$ )	-0,119	-0,045	-0.63
Lợi ích ( $X_9$ )	1,416	0,520	7.72*
Pseudo R <sup>2</sup> : 0,2459			
LR Chi <sup>2</sup> : 88,87*			
Số quan sát: 266			
Phân trăm dự báo chính xác: 78,57%			

Ghi chú: \*, \*\*, \*\*\* lần lượt có ý nghĩa thống kê ở mức  $\alpha$  là 1%, 5% và 10%.

Nguồn: Số liệu khảo sát, 2014

Kết quả ước lượng được trình bày ở Bảng 9 cho thấy trong số 9 biến đưa vào mô hình thì 4 biến có ý nghĩa thống kê ở mức dưới 10%. Trong đó, biến lợi ích có ảnh hưởng mạnh nhất đến quyết định tham gia hội của nông hộ, kế đến là biến thành viên tổ vay vốn/hùn vốn, biến số hộ nghèo và cuối cùng là biến hộ khẩu thường trú. Với giả thuyết các nhân tố khác không đổi, ảnh hưởng của từng nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hội của nông hộ được diễn giải như sau:

- Thành viên tổ vay vốn/hùn vốn ( $X_2$ ): biến độc lập này có tương quan thuận với quyết định tham gia hội của nông hộ ở mức ý nghĩa thống kê 1%. Kết quả ước lượng bằng mô hình Probit cho thấy, những hộ có người trong gia đình là thành viên của tổ vay vốn/hùn vốn ở địa phương có xác suất tham gia hội cao hơn 28,6% so với các hộ khác. Giống như kết quả nghiên cứu của Trương Đông Lộc (2011), trong 207 nông hộ tham gia hội thì có 52 nông hộ có người là thành viên tổ vay vốn/hùn vốn (chiếm tỷ trọng 25,6%). Kết quả này có thể giải thích là do khi nông hộ tham gia vào tổ vay vốn/hùn vốn tại địa phương thì họ có thể tham gia hội do chính các tổ chức này tổ chức (thường là hội không tính lãi). Ngoài ra việc tham gia vào các tổ chức này làm cho nông hộ có uy tín hơn vì giao tiếp rộng rãi hơn, dẫn đến có khả năng tham gia hội nhiều hơn.

- Số hộ nghèo ( $X_3$ ): biến độc lập này có tương quan nghịch với quyết định tham gia hội của nông hộ ở mức ý nghĩa thống kê 1%. Giống như kỳ vọng ban đầu, kết quả ước lượng từ mô hình hồi quy cho thấy, những người có số hộ nghèo có xác suất tham

gia hội thấp hơn các hộ khác là 31,4%. Kết quả này có thể giải thích là do những hộ có số hộ nghèo là những hộ có thu nhập thấp, tài sản cũng thấp nên khó có khả năng đóng hội đúng kì, đầy đủ và có khả năng sẽ giựt hội nên chủ hội hạn chế các hộ có số hộ nghèo tham gia vào đây hội của họ. Bên cạnh đó, hộ nghèo được ưu tiên vay vốn sản xuất kinh doanh nhỏ từ ngân hàng chính sách xã hội nên cũng đáp ứng nhu cầu vốn cho những hộ này.

- Hộ khẩu thường trú ( $X_7$ ): biến độc lập này có tương quan thuận với quyết định tham gia hội của nông hộ ở mức ý nghĩa thống kê 10%. Cụ thể, các hộ có hộ khẩu thường trú tại địa phương có xác suất tham gia hội cao hơn các hộ không có hộ khẩu thường trú tại địa phương là 18,4%. Kết quả ước lượng giống như kỳ vọng ban đầu. Kết quả này chủ yếu là do những hộ tại địa phương sẽ quen biết với chủ hội nên chủ hội dễ dàng cho tham gia vào đây hội, thông tin tài chính về chủ hội và hội viên là minh bạch. Bên cạnh đó, những hộ có hộ khẩu tại địa phương ít có động cơ giựt hội vì sợ bị mất uy tín so với hàng xóm thì những lần sau khi gặp khó khăn trong vấn đề tài chính sẽ không được hỗ trợ, giúp đỡ từ mọi người xung quanh.

- Lợi ích ( $X_9$ ): biến độc lập này có tương quan thuận với quyết định tham gia hội của nông hộ ở mức ý nghĩa thống kê 1%. Giống như kết quả nghiên cứu của Trương Đông Lộc (2011), Lê Khương Ninh và Cao Văn Hôn (2012), các hộ cho rằng lợi ích từ tham gia hội là đủ lớn để có thể chấp nhận rủi ro có xác suất tham gia hội cao hơn các hộ khác là 52%. Mỗi quan hệ này có thể giải thích là do nhiều hộ muốn tham gia hội vì nhận được tiền lãi cao. Tuy nhiên, người tham gia hội, nhất

là tham gia hội có lãi suất cao thường xuyên đối mặt với rủi ro, nhưng hầu hết họ không quan tâm Nhà nước có quy định về vấn đề này hay không. Và cũng thật khó lý giải, việc những hội viên sẵn sàng bỏ ra cả trăm triệu, thậm chí cả tỷ đồng để tham gia chơi hội, nhưng lại thiếu những giấy tờ, cơ sở ràng buộc.

- Các biến vị trí xã hội ( $X_1$ ), giới tính ( $X_4$ ), tuổi của chủ hộ ( $X_5$ ), nghề nghiệp chính của hộ ( $X_6$ ) và

chi tiêu bất thường ( $X_8$ ) không có ý nghĩa thống kê hay nói cách khác là không đủ bằng chứng cho rằng các biến này ảnh hưởng đến quyết định tham gia hội của nông hộ trên địa bàn nghiên cứu.

Sau khi nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hội của nông hộ, nghiên cứu tiếp tục xác định các yếu tố ảnh hưởng đến số tiền trung bình mà hộ phải đóng mỗi kỳ trên các dây hội.

**Bảng 10. Kết quả ước lượng mô hình hồi quy Tobit**

Biến Số	Hệ số ước lượng	Tác động biên dy/dx	Giá trị thống kê
Hằng số (C)	-1.048,546	-	-1,69
Nghề nghiệp chính của hộ ( $X_1$ )	509,546	136,677	2,52**
Quan điểm về rủi ro ( $X_2$ )	-3.378,530	-906,234	-6,67*
Thu nhập ( $X_3$ )	50,879	13,647	2,42**
Chi tiêu bất thường ( $X_5$ )	126,813	34,015	0,61
Tuổi của chủ hộ ( $X_7$ )	0,948	0,254	0,11
Học vấn ( $X_8$ )	308,050	82,629	1,42
Hộ khẩu thường trú ( $X_9$ )	521,168	139,794	1,61
Số thành viên ( $X_{10}$ )	-116,430	-31,230	-1,84***
Thành viên tổ vay vốn ( $X_{12}$ )	-63,884	-17,136	-0,27
Xác suất tham gia hội ( $X_{13}$ )	1.344,591	360,664	2,88*

Pseudo R<sup>2</sup>: 0,0657  
LR Chi<sup>2</sup>: 187,86\*  
Số quan sát: 273

Ghi chú: \*, \*\*, \*\*\* lần lượt có ý nghĩa thống kê ở mức  $\alpha$  là 1%, 5% và 10%.

Nguồn: Số liệu khảo sát, 2014

Theo kết quả hồi quy, Pseudo R<sup>2</sup> = 0,0657, LR Chi<sup>2</sup> = 187,86, Prob > chi<sup>2</sup> = 0,000 và hệ số tương quan Spearman giữa các biến đều < 0,6 nên không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến nên mô hình có ý nghĩa thống kê và phù hợp.

Kết quả ước lượng ở Bảng 10 cho thấy rằng trong số 10 biến đưa vào mô hình thì 5 biến có ý nghĩa thống kê ở mức dưới 10%. Trong đó, biến quan điểm về rủi ro có ảnh hưởng mạnh nhất đến số tiền trung bình mà hộ phải đóng mỗi kỳ trên các dây hội, kế đến là biến xác suất tham gia hội, nghề nghiệp chính của chủ hộ, số thành viên trong gia đình và cuối cùng là biến thu nhập. Với điều kiện các yếu tố khác không đổi, ảnh hưởng của từng yếu tố ảnh hưởng đến số tiền trung bình mà hộ phải đóng mỗi kỳ trên các dây hội được diễn giải như sau:

- Nghề nghiệp chính của hộ ( $X_1$ ): ngược lại với kỳ vọng ban đầu, hệ số ước lượng mang dấu dương ở mức ý nghĩa 5% nên những hộ có thu nhập thuần túy từ sản xuất nông nghiệp sẽ tham gia hội với số tiền lớn hơn những hộ có thu nhập thêm từ các

hoạt động khác, cụ thể là 136,677 ngàn đồng. Kết quả ước lượng như thế là do những hộ sản xuất nông nghiệp thường tham gia hội tháng nên số tiền đóng mỗi kỳ tương đối cao so với các hộ có thu nhập thêm từ các hoạt động khác (thường tham gia hội ngày hay hội tuần). Bên cạnh đó, những hộ sản xuất nông nghiệp khi tới vụ cần một số tiền lớn để sản xuất nhưng khó tiếp cận với tín dụng chính thức nên chuyển kênh huy động vốn sang tham gia hội.

- Quan điểm về rủi ro ( $X_2$ ): hệ số ước lượng của biến rủi ro mang dấu âm ở mức ý nghĩa 1% và dy/dx = -906,234, nghĩa là hộ sợ rủi ro thì tham gia hội với số tiền ít hơn so với hộ bàng quan với rủi ro, cụ thể là 906,234 ngàn đồng. Kết quả ước lượng đúng với kỳ vọng ban đầu vì hộ sợ rủi ro thì hạn chế tham gia hội so với hộ bàng quan với rủi ro nhằm hạn chế rủi ro.

- Thu nhập ( $X_3$ ): hệ số ước lượng có dấu dương ở mức ý nghĩa 5% nên biến thu nhập và số tiền đóng mỗi kỳ tỷ lệ thuận với nhau. Giống như kết quả nghiên cứu của Lê Khương Ninh và Cao Văn



Hơn (2012), khi thu nhập tăng lên một triệu đồng thì số tiền tham gia hội của hộ sẽ tăng 13,647 ngàn đồng. Kết quả đúng với kỳ vọng ban đầu, những hộ có thu nhập cao hơn sẽ tham gia hội với số tiền cao hơn với hai lý do: thứ nhất là hộ kỳ vọng vào tiền lãi cao từ hội, thứ hai là hộ cần một số vốn tương đối để sản xuất, kinh doanh.

- Số thành viên ( $X_{10}$ ): theo mô hình, hệ số ước lượng mang dấu âm ở mức ý nghĩa 10%, cụ thể khi số thành viên của hộ tăng thêm một người thì số tiền tham gia hội của hộ sẽ giảm 31,230 ngàn đồng. Kết quả này phù hợp với kỳ vọng ban đầu, những hộ đông người thường có thu nhập thấp (người phụ thuộc nhiều) nên số tiền tham gia hội của hộ có phần hạn chế so với hộ có ít người.

- Xác suất tham gia hội ( $X_{13}$ ): theo kỳ vọng ban đầu, xác suất tham gia hội càng cao thì hộ tham gia hội với số tiền càng cao. Kết quả mô hình phù hợp với kỳ vọng vì hệ số ước lượng là dương ở mức ý nghĩa 1%. Cụ thể khi xác suất tham gia hội tăng lên 1% thì số tiền tham gia hội của hộ tăng lên 360,664 ngàn đồng. Kết quả này là do những hộ có khả năng tham gia hội cao chủ yếu chạy theo lợi ích từ hội mà ít quan tâm đến mặt trái của hội (hộ quan niệm lợi ích có thể bù đắp được rủi ro) nên số tiền tham gia hội sẽ cao hơn những hộ ít có khả năng tham gia hội.

- Các biến chi tiêu bất thường ( $X_5$ ), tuổi của chủ hộ ( $X_7$ ), học vấn ( $X_8$ ), hộ khẩu thường trú ( $X_9$ ), thành viên tổ vay vốn ( $X_{12}$ ) không có ý nghĩa thống kê hay nói cách khác là không đủ bằng chứng cho rằng các biến này ảnh hưởng đến số tiền tham gia hội của nông hộ.

## 4. Kết luận và kiến nghị giải pháp

### 4.1. Kết luận

Bài viết nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hội và số tiền tham gia hội của nông hộ. Kết quả khảo sát cho thấy, mục đích tham gia hội của nông hộ là huy động vốn để phục vụ sản xuất nông nghiệp và buôn bán nhỏ. Hình thức hội mà nông hộ tham gia chủ yếu là hội tháng và không có lãi. Thông qua kết quả ước lượng mô hình Probit, các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hội của nông hộ gồm có: thành viên tổ vay vốn/hùn vốn, số hộ nghèo, hộ khẩu thường trú và lợi ích. Trong đó, biến lợi ích có ảnh hưởng mạnh nhất đến quyết định tham gia hội của nông hộ. Khi đã tham gia hội, theo kết quả ước lượng mô hình Tobit, số tiền trung bình mà hộ phải đóng mỗi kì trên các dây hội bị ảnh hưởng bởi các yếu tố: quan điểm về rủi ro, nghề nghiệp chính của hộ, thu nhập, số thành viên và xác suất tham gia hội. Trong đó, biến quan điểm về rủi ro có ảnh hưởng

mạnh nhất. Bên cạnh một số ít các dây hội bị vỡ hội, thì còn nhiều dây hội vẫn an toàn nên đa số nông hộ được khảo sát cho rằng hội có ảnh hưởng tích cực đến đời sống của họ.

### 4.2. Kiến nghị giải pháp

Dựa vào kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của nông hộ khi tham gia hội. Cụ thể:

- Nhiều nông hộ tham gia hội đều cho rằng tham gia hội có nhiều ích lợi nên khuyến khích nông hộ tham gia hội. Khi chủ hội và các hội viên muốn khuyến khích các nông hộ khác tham gia dây hội với mình thì nên lựa chọn những hộ sinh sống tại địa phương và có người tham gia vào các tổ vay vốn/hùn vốn vì những người này có khả năng tham gia hội rất cao. Đặc biệt, chủ hội và các hội viên phải tuyên truyền cho các hộ này thấy được những ích lợi từ việc tham gia hội vì đây là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến khả năng tham gia hội của nông hộ. Tuy nhiên, những hộ không có khả năng đóng hội vì không có tích lũy và thu nhập không ổn định, nhất là những hộ có số hộ nghèo, thì chủ hội và hội viên hạn chế cho tham gia vào dây hội. Nếu một thành viên không đóng hội đúng kỳ thì chủ hội phải đóng thay và nhiều người như thế có thể dẫn đến khả năng vỡ hội. Nếu chủ hội tuyên bố vỡ nợ thì các hội viên cũng xem như mất trắng số tiền đã đóng hội. Chủ hội và hội viên nên cân nhắc, lựa chọn những người cùng tham gia hội để đảm bảo tính ảnh hưởng tích cực của hội và hạn chế các ảnh hưởng tiêu cực từ hội.

- Việc tham gia hội có tính rủi ro rất cao. Vì vậy, tốt nhất là chỉ nên tham gia hội khi bảo đảm tính an toàn và nằm trong khuôn khổ của pháp luật quy định. Có như vậy, mới có thể tránh hoặc hạn chế tối đa những rủi ro/hậu quả đáng tiếc có thể xảy ra. Hội an toàn, nói một cách đơn giản, là không tiềm ẩn hay có các yếu tố rủi ro, mờ ám. Hoặc là phải có cách làm rõ, khắc phục và hạn chế những yếu tố rủi ro đó. Trước hết, khi tham gia chơi hội, người chơi cần hiểu rõ quy định của pháp luật về chơi hội, hiểu rõ bản chất của mô hình tham gia hội. Và, người chơi hội cần lưu ý những điều sau:

+ Chỉ tham gia vào dây hội do người chủ hội có độ tin cậy cao. Việc này không chỉ đánh giá qua bề ngoài hào nhoáng, ăn to nói lớn, nhà cao cửa rộng,... Mà phải xem đến uy tín, nhân thân, thậm chí gia đình của người chủ hội.

+ Nhất thiết phải biết rõ, thậm chí chọn lựa những người cùng tham gia chơi hội đang làm việc ở đâu, nguồn thu nhập như thế nào, phải có khả năng tham gia lâu dài và đóng hội đầy đủ.

+ Việc chơi hội nhất thiết phải có sổ sách rõ ràng, chứng từ đầy đủ, chính xác và chi tiết về diễn biến của dây hội. Ngoài số liệu tiền bạc, ngày tháng, chủ hội và các thành viên nên lập thành văn bản thỏa thuận về việc chơi hội, có điều khoản quy định rõ về chu kỳ đóng tiền, số tiền đóng, hình thức thanh toán, trách nhiệm của chủ hội, quyền và nghĩa vụ của các hội viên, vấn đề giải quyết tranh chấp,...

- Chủ hội nên quy định một mức lãi trần (mức 15% - 20% trần là phù hợp) để tránh việc bỏ lãi quá cao, đồng thời mức lãi suất trần đó có thể chấp nhận được trong thực tế chơi hội trong nhân dân. Làm như vậy có hai tác dụng: một là nông hộ có thể huy động vốn từ hội để phục vụ sản xuất, mua bán nhỏ mà không lo lắng nhiều về lãi suất quá cao, hai là những hộ đầu tư vào hội như một hình thức tiết kiệm cũng có mức lãi phù hợp. Nếu có sự phân phối hợp lý về lãi suất của hội giữa người huy động và người tiết kiệm, hội sẽ có ảnh hưởng tích cực đến kinh tế của hộ.

- Trường hợp, thời gian nhận tiền hốt hội trên 30 ngày thì các thành viên tham gia hội nên yêu cầu thanh toán nhanh số tiền hội đến hạn hốt, có bước điều tra sơ bộ (nếu được), và báo cáo ngay tình hình trên với chính quyền địa phương để có hình thức xử lý phù hợp. Thực tế, hội viên rất tin

tưởng vào chủ hội và không hề có giấy tờ bảo đảm, khi chủ hội huy động được một số tiền lớn thì sẽ bỏ trốn mà bản thân hội viên và chính quyền không hề hay biết. Hậu quả, hội viên mất trắng số tiền tham gia hội.

- Nông hộ nên tham gia vào các hội không có lãi vì những hội này chỉ mang tính chất góp vốn xoay vòng. Thực tế cho thấy, những dây hội không có lãi có tính an toàn cao và ít khi nào xảy ra tranh chấp. Tuy nhiên, dù đối với hình thức hội không lãi, những thành viên tham gia cũng nên báo cáo với chính quyền để có hình thức xử lý kịp thời khi dây hội phát sinh vấn đề.

Tùy theo mục đích huy động và tiết kiệm của những thành viên tham gia dây hội mà lựa chọn những thành viên khác tham gia hội cho phù hợp. Trường hợp tham gia hội lớn (số tiền đóng mỗi kỳ từ hai đến năm triệu đồng), chủ hội và hội viên nên lựa chọn những người có thu nhập cao trong sản xuất nông nghiệp và có khả năng tham gia hội cao vì đây là những hộ sẵn sàng tham gia hội với số tiền đóng mỗi kỳ tương đối lớn. Tuy nhiên, những trường hợp tham gia hội lớn cần xem xét kỹ lưỡng, đề phòng khả năng giật hội. Ngược lại, những hộ sợ rủi ro và có nhiều thành viên thì lại mong muốn tham gia hội nhỏ (số tiền đóng mỗi kỳ từ 200 ngàn đồng trở xuống).

### Tài liệu tham khảo

- Ambecy, S. and N. Treich. 2007. "Roscas as financial agreements to cope with self-control problems". *Journal of Development Economics*, vol.82, pp.130-137.
- Anderson, S., J. Baland and K.O Moene. 2009. "Enforcement in informal saving groups". *Journal of Development Economics*, vol.90, pp.14-23.
- Besley, T., S. Coate and G. Loury. 1993. "The economics of rotating savings and credit associations". *American Economic Review*, vol.83, pp.792 - 810.
- Besley, T., S. Coate and G. Loury. 1994. "Rotating savings and credit associations, credit markets and efficiency". *Review of Economic Studies*, vol.61, pp.701-719.
- Calomiris, C.W. and I. Rajaraman. 1998. "The role of ROSCAs: lumpy durables or event insurance?". *Journal of Development Economics*, vol.56, pp.207-216.
- Chính phủ. 2006. *Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hội, biểu, phường*.
- Handa, S. and C. Kirton. 1999. "The economics of rotating savings and credit associations: Evidence from the Jamaican partner". *Journal of Development Economics*, vol.60, pp.173-194.
- Lê, Khương Ninh và Cao, Văn Hôn. 2012. "Rủi ro của việc tham gia hội". *Tạp chí Ngân hàng*, số 74, tr. 25-32.
- Lê, Khương Ninh và Cao, Văn Hôn. 2012. "Lợi ích của hội và quyết định tham gia hội của người dân An Giang". *Tạp chí Công nghệ Ngân hàng*, số 70, tr. 32-39.
- Lê, Khương Ninh và Phạm, Văn Dương. 2011. "Phân tích các yếu tố quyết định lượng vốn vay chính thức của hộ nông dân ở tỉnh An Giang". *Tạp chí Công nghệ Ngân hàng*, số 60, tr.8-15.
- Levenson, A. and T. Besley. 1996. "The anatomy of an informal financial market: rosca participation in Taiwan". *Journal of Development Economics*, vol.51, pp.45-68.
- Tanaka, T. and Q. Nguyen. 2008. *Rosca as a saving commitment device for sophisticated discounters: field experiment from Vietnam*. Arizona State University, USA.
- Trương, Đông Lộc. 2011. "Thực trạng tham gia hội của nông hộ tại tỉnh Hậu Giang". *Tạp chí Ngân hàng*, số 13, tr. 42-48.